

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2022

V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Bích Ngọc

2. Ông Lê Anh Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40//2022/TLST-HNGĐ, ngày 01/3/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXX-ST ngày 21/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị BT, năm sinh 1984.

Địa chỉ: tổ X, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Xuân T, năm sinh 1985.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi bị Tòa án tuyên bố mất tích: tổ X, ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn Nguyễn Thị BT có mặt tại phiên tòa. Bị đơn Lê Xuân T vắng mặt (anh Lê Xuân T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị BT trình bày:

Năm 2005, chị T và anh T quen biết tìm hiểu khoảng một năm thì thống nhất kết hôn, tổ chức đám cưới tháng 01 năm 2007, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2009. Chị T và anh T đều kết hôn lần đầu, trước khi kết hôn chị T và anh T chưa kết hôn và cũng không có con riêng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng cùng làm thuê ở địa phương, có một con chung tên Lê Xuân B, sinh ngày 03/9/2007.

Đến năm 2012, anh T bỏ nhà đi địa phương khác sinh sống, không nói cho chị T biết lý do, làm gì, ở đâu. Anh T bỏ mặc cho chị T tự sinh sống, lo lắng kinh tế, tiền bạc nuôi con, anh T cũng không điện thoại liên lạc thăm hỏi, không gửi tiền bạc phụ giúp chị T nuôi dạy con. Thời gian đầu, anh T bỏ đi khoảng 02 - 03 tháng lại về nhà ở vài ngày, rồi lại đi tiếp. Trong thời gian về nhà, anh T chỉ đi nhậu không tâm sự trò chuyện với chị T, không quan tâm chăm sóc tình cảm vợ chồng, con cái. Chị T có hỏi thì anh T không nói nguyên nhân lý do, không cho biết đi đâu làm gì, cũng không đưa tiền bạc phụ giúp chị T nuôi con. Từ năm 2017 đến nay, anh T bỏ đi biệt tích, không về nhà, không liên lạc với vợ con, gia đình và người thân. Chị T và gia đình nhiều lần đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không liên lạc được, không biết được tin tức gì về anh T.

Năm 2021, chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã có quyết định tuyên bố anh T mất tích.

Từ sau khi có quyết định tuyên bố anh T mất tích đến nay, anh T cũng không trở về địa phương, chị T và gia đình cũng không biết tin tức gì về anh T.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm, không còn thương yêu anh T nữa nên chị T yêu cầu ly hôn anh T.

Con chung: có một con chung tên Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007. Hiện nay chị T đang nuôi con. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007 sau ly hôn. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Chị T cam kết bảo đảm tạo điều kiện cho anh T thực hiện quyền cấp dưỡng, thăm nom chăm sóc con sau ly hôn theo quy định pháp luật (nếu anh T có trở về về địa phương)

Tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí trong vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do bị đơn anh Lê Xuân T vắng mặt và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2022/QĐDS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, quyết định này có hiệu lực pháp luật, nên không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của anh T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện tuân theo đúng pháp luật, Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Lê Xuân T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2022/QĐDS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, quyết định này có hiệu lực pháp luật, nên thống nhất trình tự thủ tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Lê Xuân T.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị giải quyết cho chị Nguyễn Thị BT ly hôn anh Lê Xuân T theo quy định pháp luật. Con chung: đề nghị giao cho chị T nuôi con Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007 sau ly hôn. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nên không xem xét, giải quyết. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con sau ly hôn theo quy định pháp luật khi trở về địa phương. Án phí: Chị T chịu án phí hôn nhân

gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị BT yêu cầu ly hôn anh Lê Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu hành theo quy định pháp luật.

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị BT có mặt, bị đơn anh Lê Xuân T vắng mặt không lý do. Xét thấy: Bị đơn anh Lê Xuân T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2022/QĐDS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, quyết định này có hiệu lực pháp luật. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ hợp lệ các thủ tục tố tụng, các phương thức cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Lê Xuân T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Xuân T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị BT và anh Lê Xuân T là vợ chồng chung sống tự nguyện, có đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2009, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày năm 2012, anh T bỏ nhà đi địa phương khác sinh sống, khoảng 02 tháng đến 03 tháng mới về nhưng không cho biết làm gì, ở đâu. Từ năm 2017 đến nay, anh T bỏ đi biệt tích, chị T và người thân, gia đình đã tìm kiếm nhưng không liên lạc được, không biết tin tức gì về anh T. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã có Quyết định tuyên bố anh Lê Xuân T mất tích (theo đơn yêu cầu của chị T). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị T ly hôn anh Lê Xuân T.

Khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”.

[4] Con chung: chị T và anh T có một con chung tên Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007, hiện nay chị T đang nuôi con. Do anh T bị tuyên bố mất tích, nên giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi con Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007 sau ly hôn là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Anh Lê Xuân T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn mà không ai được ngăn cản theo quy định pháp luật, nếu anh T trở về địa phương.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị BT phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 28, 35, 39, 91, 92, 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều: 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị BT và anh Lê Xuân T ly hôn.

Về con chung: chị T và anh T có một con chung tên Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007, hiện nay chị T đang nuôi con. Chị Nguyễn Thị BT được quyền trực tiếp nuôi con Lê Xuân B sinh ngày 03/9/2007 sau ly hôn. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Anh Lê Xuân T có quyền đến thăm nom chăm sóc, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn mà không ai được ngăn cản theo quy định pháp luật, nếu anh T trở về địa phương.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị BT phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị BT đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009023 ngày 01/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (tỉnh Đồng Tháp) được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Thành ;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành ;
- UBND xã A (huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp);
- Lưu HSVA (NQ.Hưng) (GCNKH số 108 ngày 28/7/2009)

Nguyễn Quốc Hưng